

Số: /TB-STC

Ninh Thuận, ngày tháng 7 năm 2023

THÔNG BÁO

Xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022 **Đơn vị được thông báo: Ban Dân tộc** **Mã chương: 483**

Căn cứ Thông tư 137/2017/TT-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và thẩm định quyết toán năm;

Căn cứ Báo cáo quyết toán ngân sách năm 2022 của Ban Dân tộc và biên bản xét duyệt quyết toán ngày 22/3/2023 giữa đại diện Sở Tài chính tỉnh Ninh Thuận và Ban Dân tộc;

Sở Tài chính thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022 (không bao gồm quyết toán vốn huy động, đóng góp, tài trợ và nguồn vốn đầu tư XDCB) của Ban Dân tộc:

I. Phần số liệu:

1. Số liệu quyết toán:

a) Thu phí, lệ phí

- Tổng số thu trong năm: 0 đồng
- Số phải nộp ngân sách nhà nước: 0 đồng
- Số phí được khấu trừ, để lại: 0 đồng

b) Quyết toán chi ngân sách:

- Số dư kinh phí năm trước chuyển sang: 103.514.698 đồng;
- Dự toán được giao trong năm: 6.523.006.000 đồng;

Trong đó:

- + Dự toán giao đầu năm: 2.746.450.00 đồng;
- + Dự toán bổ sung trong năm: 3.776.556.000 đồng;
- Kinh phí thực nhận trong năm: 6.626.520.698 đồng;
- Kinh phí quyết toán: 4.737.592.857 đồng;
- Kinh phí giảm trong năm: 478.873.143 đồng;

- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán: 1.410.054.698 đồng, bao gồm:

- + Kinh phí đã nhận: 0 đồng;
- + Dự toán còn dư ở Kho bạc: 1.410.054.698 đồng;

(Số liệu chi tiết theo Mẫu biểu 2c)

2. Tình hình thực hiện kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính:

- Tổng số kinh phí phải nộp NSNN: 0 đồng
- Tổng số kinh phí đã nộp NSNN: 0 đồng
- Tổng số kinh phí còn phải nộp NSNN: 0 đồng

3. Thuyết minh số liệu quyết toán:

Tình hình quyết toán chi ngân sách so với số dự toán giao: khớp đúng so với dự

toán được giao.

4.1 Kinh phí chuyển nguồn năm 2022 sang 2023 gồm:

- Kinh phí cải cách tiền lương còn dư: 180.514.698 đồng.
 - Kinh phí thực hiện CTMTQG (theo xác nhận của Kho bạc nhà nước tỉnh ngày 14/02/2023): 1.229.540.000 đồng. Trong đó:

+ Kinh phí Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (Mã số CTMT 0515) - **Dự án 5**: 1.082.000.000 đồng (Tiểu dự án 4)

+ Kinh phí truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình Mã số (CTMT 0521)- **Dự án 10**: 147.540.000 đồng (Tiểu dự án 2: 88.000.000 đồng; Tiểu dự án 3: 59.540.000 đồng)

4.2 Kinh phí giảm trong năm:

- Kinh phí hủy: 478.873.143 đồng; do hết nhiệm vụ chi và chi sai nguồn quy định. Cụ thể:

+ Kinh phí thu hồi nộp NSNN do chi sai nguồn: 5.012.562 đồng

+ Kinh phí chi đặc thù 36.046.880 đồng,

+ Kinh phí mua sắm thiết bị 16.287.500 đồng,

+ Kinh phí sửa chữa trụ sở 69.246.543 đồng.

+ Kinh phí chi tiếp đoàn Ủy ban dân tộc 3.600.000 đồng,

+ Kinh phí thực hiện cơ sở dữ liệu công tác dân tộc 3.538.000 đồng.

+ Kinh phí thực hiện Chương trình MTQG vùng ĐBDTTS: 345.051.658 đồng, Trong đó:

Kinh phí Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (Mã số CTMT 0515): Dự án 5: 249.120.580 đồng (Tiểu dự án 2: nguồn NSTW: 73.797.493 đồng, NSDP: 13.023.087 đồng; Tiểu dự án 4: nguồn NSDP: 162.300.000 đồng)

Kinh phí Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn (Mã số CTMT 0519): Dự án 9: 4.841.878 đồng (Tiểu dự án 2: nguồn NSTW: 4.115.596 đồng, NSDP: 726.282 đồng)

Kinh phí truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện chương trình Mã số (CTMT 0521)- Dự án 10: 91.089.200 đồng, Trong đó: (Tiểu dự án 1: nguồn NSTW: 58.615.320 đồng, NSDP: 10.343.880 đồng; Tiểu dự án 2: nguồn NSDP: 13.200.000 đồng); (Tiểu dự án 3: nguồn NSDP: 8.930.000 đồng)

II. Nội dung đối chiếu số liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ: Đơn vị không có hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ.

III. Nhận xét và kiến nghị:

1. Nhận xét:

- Về chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán:

Theo quy định tại Quyết định 100/2017/QĐ-UBND ngày 16/7/2017 của UBND tỉnh đối với đơn vị sử dụng ngân sách thuộc tỉnh gửi báo cáo quyết toán năm đến đơn vị dự toán cấp trên hoặc Sở Tài chính (trường hợp không có đơn vị

dự toán cấp trên) trước ngày 28 tháng 2 năm sau. Ban Dân tộc gửi Báo cáo quyết toán về Sở Tài chính ngày 01/3/2023, chậm so với quy định 02 ngày.

- Về chấp hành các quy định của Nhà nước:

+ Về các mẫu biểu báo cáo quyết toán: Đầy đủ các mẫu biểu theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp.

+ Về sổ kế toán: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.

- Về thực hiện xét duyệt quyết toán năm đối với đơn vị dự toán cấp dưới, đơn vị trực thuộc: đơn vị không có đơn vị dự toán cấp dưới, đơn vị trực thuộc.

- Về chấp hành các quy định của Nhà nước như: về lập, phân bổ và giao dự toán; về mua sắm, sửa chữa tài sản; quản lý và sử dụng tài sản; chế độ thu, nộp ngân sách nhà nước; chế độ chi tiêu; hạch toán thu, chi, mục lục ngân sách nhà nước... Đơn vị thực hiện lập, phân bổ và giao dự toán đúng quy định của Luật ngân sách. Thực hiện đúng công tác mua sắm, sửa chữa tài sản quản lý và sử dụng tài sản.

- Về chấp hành chế độ chi tiêu:

+ Chứng từ số K008 ngày 21/6/2022 và số K011 ngày 16/12/2022, đơn vị thanh toán tiền khoán công tác phí với tổng số tiền 14.400.000 đồng (4 người/12 tháng) không có bảng kê chứng minh đi công tác lưu động từ trên 10 ngày/tháng theo quy định tại khoản 1 Điều 6 quy định ban hành kèm theo Quyết định số 143/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Ninh Thuận.

+ Tại chứng từ số K012 ngày 26/9/2022, K006 ngày 18/8/2022, K009 ngày 26/7/2022, đơn vị thanh toán tiền làm ngoài giờ nhưng không có giấy báo làm thêm giờ được thủ trưởng đơn vị xác nhận.

+ Tại điểm b khoản 2 mục V Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của liên Bộ Tài chính- Bộ Nội vụ quy định về nguồn kinh phí chi trả tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ như sau: *“Đối với các cơ quan thực hiện khoán biên chế và kinh phí quản lý hành chính và các đơn vị sự nghiệp thực hiện tự chủ tài chính, nguồn kinh phí chi trả tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ do cơ quan, đơn vị chi trả từ nguồn kinh phí khoán và nguồn tài chính được giao tự chủ.”* Tuy nhiên, tại chứng từ K002/221006-1020402-2211012 ngày 06/10/2022 đơn vị thực hiện thanh toán tiền làm thêm giờ tháng 10/2022, số tiền: 5.012.562 đồng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ là không đúng theo quy định nêu trên.

2. Kiến nghị:

- Đề nghị đơn vị nghiêm chỉnh chấp hành thời hạn nộp báo cáo quyết toán theo quy định tại Quyết định số 100/2017/QĐ-UBND ngày 16/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đối với thanh toán khoán công tác phí hàng tháng, số tiền: 14.400.000 đồng đề nghị đơn vị lập bảng kê khoán thanh toán công tác phí theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Quyết định 143/2017/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Bổ sung giấy báo làm thêm giờ được thủ trưởng đơn vị xác nhận đối với các chứng từ số K012 ngày 26/9/2022, K006 ngày 18/8/2022, K009 ngày 26/7/2022.

- Xuất toán số tiền: 5.012.562 đồng, đơn vị thực hiện thanh toán tiền làm thêm giờ tháng 10/2022 tại chứng từ K002/221006-1020402-2211012 ngày 06/10/2022 chi sai nguồn kinh phí. Đơn vị có trách nhiệm thu hồi, nộp lại số tiền: 5.012.562 đồng vào Kho bạc nhà nước tỉnh theo quy định.

Sở Tài chính báo lại đơn vị biết./.

Nơi nhận:

- Ban dân tộc;
- KBNN tỉnh;
- Lưu: VT, NS

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Nhựt